

Bản án số: **58/2017/HNGĐ-ST**

Ngày: 21/8/2017

V/v tranh chấp: Ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Văn Sơn

2. Ông Lưu Trọng Kim.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Thái Thoại – Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 8 năm 2017, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Đức Linh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 173/2017/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 5 năm 2017, về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/7/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2017/QĐST-HNGĐ ngày 04/8/2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1981. Có mặt.

Nơi cư trú: Thôn A, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Hải Đ, sinh năm 1978. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn A, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/02/2017, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

Về hôn nhân: Năm 1998, bà và ông Trần Hải Đ kết hôn với nhau, nhưng do mâu thuẫn trong tình cảm nên đến năm 2012, ông bà ly hôn. Sau đó, vì ông Đ hàn gắn tình cảm, bà T muốn cho ông thêm cơ hội để sửa chữa lỗi lầm nên ông bà đã đăng ký kết hôn lại tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận vào năm 2014. Trong thời gian chung sống, cứ tưởng ông Đ biết sửa đổi tính tình, biết yêu thương và tôn trọng vợ hơn, nhưng thực tế ông vẫn chứng nào tật nấy, thường xuyên chửi bới, nhục mạ bà T và gia đình bên vợ bằng những lời lẽ thiếu văn hóa. Ngoài ra, ông Đ còn là người ghen tuông vô cớ, không có trách nhiệm với gia đình. Đến nay, bà T không còn tình cảm với ông Đ, cuộc sống hôn nhân không thể hàn gắn được nữa nên bà yêu cầu được ly hôn ông Đ.

Về con chung: Bà T và ông Đ có một người con chung tên Trần Nguyễn Nhật N, sinh ngày 19/01/2004. Bà có nguyện vọng được nuôi cháu N và yêu cầu ông Đ phải cấp dưỡng nuôi con với số tiền là 2.000.000đồng/tháng.

Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn Trần Hải Đ trình bày:

Về hôn nhân: Thời điểm kết hôn, ly hôn và tái hôn đúng như lời bà T trình bày. Trong thời gian cùng chung sống lại với nhau, cuộc sống hôn nhân không có mâu thuẫn gì trầm trọng, vợ chồng đôi lúc cũng có cãi vã nhưng không đến mức phải dẫn đến việc ly hôn. Vì còn tình cảm yêu thương vợ con, mong muốn hòa hợp nên ông Đ không đồng ý ly hôn bà T.

Về con chung: Ông Đ và bà T có một người con chung đúng như lời bà T trình bày. Nếu ly hôn, ông Đ có nguyện vọng được quyền trực tiếp nuôi cháu N, trong trường hợp cháu N muốn sống cùng mẹ thì ông đồng ý và sẽ cấp dưỡng nuôi cháu.

Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Trần Hải Đ đều không có yêu cầu tranh chấp về tài sản chung và nợ chung nên Tòa án không xem xét trong vụ án này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận phát biểu ý kiến:

Thẩm phán đã thụ lý hồ sơ vụ án đúng thẩm quyền, gửi thông báo cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh và các đương sự đúng thời hạn luật định, xác định đúng quan hệ pháp luật đang tranh chấp. Tuy nhiên, vẫn còn một số thiếu sót và đề nghị Tòa án chấn chỉnh, cụ thể như sau: Ngày 08/2/2017, nguyên đơn nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhưng đến ngày 10/3/2017 mới ra thông báo nộp tiền tạm ứng án phí; đến ngày 19/5/2017 mới thụ lý vụ án và trong quá trình giải quyết vụ án chưa thực hiện việc tổng đạt thông báo thụ lý cho nguyên đơn. Đối với Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử vụ án theo đúng trình tự, thủ tục mà pháp luật tố tụng dân sự đã quy định.

Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn không chấp hành việc triệu tập của Tòa án, không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Thấy rằng vợ chồng chung sống với nhau không còn hạnh phúc nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T. Về con chung, sau khi xem xét nguyện vọng của cháu N, về điều kiện nuôi con, thấy rằng cần giao cháu N cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Về tài sản chung và nợ chung, cả bà T và ông Đ đều không tranh chấp nên không xem xét.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng ông Trần Hải Đ không đến tham gia;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhận định như sau:

[1] *Về việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp:* Căn cứ vào nội dung, yêu cầu tại đơn khởi kiện đề ngày 08/02/2017, Tòa án xác định đây là vụ án: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

[2] *Về thẩm quyền*: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận theo quy định tại Khoản 1, Điều 35 và Khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về việc vắng mặt của đương sự tại phiên tòa*: Ông Trần Hải Đ là bị đơn trong vụ án, đã được tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Nên tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ, là phù hợp quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] *Về ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa, Tòa án nhận định như sau*: Về việc chậm ra thông báo nộp tiền tạm ứng án phí và chưa tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho nguyên đơn, là có sai sót, đồng ý với ý kiến đề nghị chấn chỉnh của Kiểm sát viên. Về việc ra thông báo nộp tiền tạm ứng án phí ngày 10/3/2017 nhưng đến ngày 19/5/2017 mới thụ lý là vì ngay sau khi phát hành thông báo nộp tiền tạm ứng án phí số 75/TB-TA ngày 10/3/2017, Tòa án có gửi thông báo này cho người khởi kiện là bà Nguyễn Thị Thanh T bằng đường bưu điện nhưng trong một thời gian dài, bà T vẫn không nhận được. Đến ngày 19/5/2017, bà T liên hệ với Tòa án để trình bày việc chưa nhận được thông báo nộp tiền tạm ứng án phí và đề nghị Tòa án tiếp tục giải quyết nội dung đơn khởi kiện của bà. Nên Tòa án đã ban hành thông báo nộp tiền tạm ứng án phí số 175/TB-TA ngày 19/5/2017 và thụ lý vụ án theo đúng quy định pháp luật. Đây là lý do khách quan.

[5] *Về hôn nhân*: Giữa bà T và ông Đ tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp, nên được pháp luật bảo vệ. Xét thấy, cuộc sống hôn nhân giữa ông bà không còn hạnh phúc. Mà theo bà T, nguyên nhân xuất phát từ việc ông Đ vẫn không biết sửa đổi tính tình, thường xuyên có lời lẽ xúc phạm vợ, không biết chăm lo, vun đắp hạnh phúc gia đình. Ông bà đã ly hôn vào năm 2012, nhưng vì ông Đ níu kéo khiến bà mềm lòng, vì thương con nên bà T chấp nhận về chung sống và đăng ký kết hôn lại, nay tình cảm vợ chồng vẫn không thể hàn gắn được nên bà yêu cầu được ly hôn ông Đ. Mặc dù, ông Đ khai vẫn còn tình cảm với vợ con, không muốn ly hôn nhưng từ thời điểm thụ lý vụ án cho đến nay, ông không chủ động hòa hợp, gắn kết

lại tình cảm vợ chồng, cũng như không tham gia các buổi hòa giải tại Tòa án. Thấy rằng, cuộc sống hôn nhân giữa ông bà không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T là phù hợp Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và Gia đình.

[6] *Về con chung*: Bà T và ông Đ đều có nguyện vọng được quyền trực tiếp nuôi con là Trần Nguyễn Nhật N, sinh ngày 19/01/2004. Nhận thấy, bà T và ông Đ đều có đầy đủ sức khỏe, có khả năng lao động kiếm tiền, cháu N chưa trưởng thành nên cần được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tuy nhiên, cần xét đến nguyện vọng của cháu N là được ở cùng với mẹ, và tại biên bản lấy lời khai, ông Đ có ý kiến rằng nếu cháu N muốn sống cùng với mẹ, thì ông đồng ý và sẽ cấp dưỡng nuôi cháu. Vì vậy, cần giao cho bà T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Trần Nguyễn Nhật N, là phù hợp. Ông Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Ngoài ra, bà T yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con với số tiền 2.000.000đồng/tháng. Thấy rằng, việc yêu cầu cấp dưỡng là yêu cầu hoàn toàn phù hợp để đảm bảo cho cháu N được chăm lo và phát triển đầy đủ. Tuy nhiên, cần điều chỉnh lại mức cấp dưỡng mà bà T đưa ra, nhằm phù hợp với mức thu nhập của ông Đ, phù hợp với nhu cầu thực tế tại địa phương, nên nghĩ cần chấp nhận mức cấp dưỡng nuôi con với số tiền 1.500.000đồng/tháng.

[7] *Về án phí*: Bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, ông Trần Hải Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, điểm b, khoản 2 Điều 227; điểm a, khoản 2 Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 51, 56, khoản 3 Điều 82 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Xử:

1. *Về hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị Thanh T ly hôn ông Trần Hải Đ.

2. *Về con chung*: Giao cho bà Nguyễn Thị Thanh T được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Trần Nguyễn Nhật N, sinh ngày 19/01/2004. Ông Trần Hải Đ cấp dưỡng nuôi con với số tiền 1.500.000đồng/tháng. Ông Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con.

Đối với phần quyết định về cấp dưỡng nuôi con, có hiệu lực thi hành ngay mặc dù có thể bị kháng cáo, khiếu nại, kháng nghị, kiến nghị.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án bên phải thi hành án còn phải chịu một khoản tiền lãi với lãi suất 10%/năm, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. *Về án phí*: Bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí do bà T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án, số 0012998 ngày 19/5/2017. Bà Nguyễn Thị Thanh T đã nộp đủ án phí.

Ông Trần Hải Đ phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

4. *Về quyền kháng cáo*: Báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án (21/8/2017); bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án, để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./-

Nơi nhận:

TAND tỉnh;
VKSND huyện;
THADS huyện;
Nơi đăng ký kết hôn;
Các đương sự;
Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Minh Tuấn

